ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số : 210/2004/QĐ-UB	

Đà Lạt, ngày 18 tháng 11 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
V/v Điều chỉnh Quy định thủ tục hành chính và trình tự giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa" tại các cơ quan hành chính Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Uỷ ban Nhân dân ngày 26/1l/2003;

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/1l/2003;

- Căn cứ Quyết định số 181/2003/QĐ-TTG ngày 04/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ V/v ban hành Quy chế thực hiện "một cửa tại cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương;

- Theo đề nghị của Văn phòng Uỷ ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay điều chỉnh Quy định thủ tục hành chính và trình tự giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa" tại các cơ quan hành chính Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 183/2003/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Cụ thể như sau :

ĐỐI VỚI CHƯƠNG I: **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG .**

1. Khoản 4.1 Điều 4 :

Bỏ điểm 3 "Giao đất để làm nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân trong nước tại các phường thuộc thành phố Đà Lạt và thị xã Bảo Lộc(trừ các trường hợp giao đất qua đấu giá)".

2. Khoản 4.2 Điều 4 :

Bổ sung thêm điểm 5 "Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư các công trình XDCB thuộc vốn ngân sách Nhà nước (theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)".

ĐỐI VỚI CHƯƠNG III: **CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ "MỘT CỬA" TẠI VĂN PHÒNG UBND TỈNH.**

3. Điểm 3 khoản 8.1 Điều 8 (Thẩm định, phê duyệt đề cương - nhiệm vụ quy hoạch; dự toán khảo sát quy hoạch xây dựng, quy hoạch các cụm điểm công nghiệp) :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc còn 14 ngày làm việc.

Trong đó:

a- Thời gian "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Xây dựng : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Xây dựng nhận, thẩm định và chuyển lại hồ sơ cho Ỏbộ phận tiếp nhận và trả kết quả" : Không quá 11 ngày;

c Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh: Không quá 02 ngày;

4- Điểm 3 khoản 8.2 Điều 8 (Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch) :

A. Đối với quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết xây dựng :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 35 ngày làm việc còn 21 ngày làm việc.

Trong đó :

a- Thời gian Ỏbộ phận tiếp nhận và trả kết quả" nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Xây dựng : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Xây dựng nhận, thẩm định và chuyển lại hồ sơ cho "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" : Không quá 17 ngày;

c Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh: Không quá 03 ngày;

B. Đối với quy hoạch phân lô :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 25 ngày làm việc còn 14 ngày làm việc.

Trong đó :

a- Thời gian "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Xây dựng : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Xây dựng nhận, thẩm định và chuyển lại hồ sơ cho "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" : Không quá 11 ngày;

c- Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh: Không quá 02 ngày;

5. Bỏ Điều 10 "Giao đất để làm nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân trong nước tại các phường thuộc thành phố Đà Lạt và thị xã Bảo Lộc(trừ các trường hợp giao đất qua đấu giá)"

6. Khoản 2 Điều 12 (Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức (trừ tổ chức tôn giáo) :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 23 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc.

Trong đó :

a- Thời gian "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường nhận, thẩm định và chuyển lại hồ sơ cho "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" : Không quá 07 ngày;

c- Thời gian giải quyết tại UBND Tỉnh: Không quá 02 ngày;

7. Điểm 2 khoản 13.1 Điều 13 (Giao đất, cho thuê đất đối với các tổ chức nước ngoài (trừ đất để sử dụng vào mục đích tôn giáo, an ninh quốc phòng) :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 31 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc.

Trong đó :

a- Thời gian "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường nhận, thẩm định, xác định mức thu tiền sử dụng đất và chuyển lại hồ sơ cho "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" : Không quá 07 ngày;

c- Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh: Không quá 02 ngày;

(Thời gian trên được áp dụng đối với các khu vực đất đã được giải phóng mặt bằng).

8. Điểm 2 khoản 13.2 Điều 13 (Giao đất, cho thuê đất đối với các tổ chức trong nước (trừ đất để sử dụng vào mục đích tôn giáo, an ninh quốc phòng) :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 31 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc.

Trong đó :

a- Thời gian "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường nhận, thẩm định, xác định mức thu tiền sử dụng đất và chuyển lại hồ sơ cho "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" : Không quá 07 ngày;

c- Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh: Không quá 02 ngày;

(Thời gian trên được áp dụng đối với các khu vực đất đã được giải phóng mặt bằng).

9. Khoản 3 Điều 14 (Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư các công trình XDCB thuộc vốn ngân sách nhà nước) :

A. Đối với dự án nhóm A :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 67 ngày làm việc còn 31 ngày làm việc.

Trong đó :

a- Thời gian "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận, thẩm định và chuyển lại hồ sơ cho Ỏbộ phận tiếp nhận và trả kết quả". : Không quá 27 ngày;

c Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh: Không quá 03 ngày;

B. Đối với dự án nhóm B :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 37 ngày làm việc còn 21 ngày làm việc.

Trong đó :

a- Thời gian "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận, thẩm định và chuyển lại hồ sơ cho "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" : Không quá 17 ngày;

c- Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh: Không quá 03 ngày;

C. Đối với dự án nhóm C:

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 27 ngày làm việc còn 16 ngày làm việc.

Trong đó :

a- Thời gian bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận, thẩm định và chuyển lại hồ sơ cho "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" : Không quá 12 ngày;

c Thời gian giải quyết tại UBND TỉNH: Không quá 03 ngày;

D. Riêng đối với dự án thuộc các chương trình trọng tâm, các công trình trọng điểm của Tỉnh :

Thời gian giải quyết là 10 ngày làm việc. Trong đó :

a- Thời gian "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận, thẩm định và chuyển lại hồ sơ cho "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" : Không quá 07 ngày;

c- Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh: Không quá 02 ngày;

10. Khoản 3 Điều 15 (Quyết định chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng công trình của các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài):

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 27 ngày làm việc còn 14 ngày làm việc.

Trong đó :

a- Thời gian "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Xây dựng : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Xây dựng nhận, thẩm định và chuyển lại hồ sơ cho "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" : Không quá 1 ngày;

c- Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh: Không quá 02 ngày;

11. Khoản 3 Điều 16 (Phê duyệt thiết kế kỹ thuật tổng dự toán, thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán công trình thuộc dự án do Uỷ ban Nhân dân Tỉnh quyết định đầu tư (trừ công trình thuộc dự án nhóm C đã ủy quyền cho cấp sở) :

A. Đối với dự án nhóm A :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 52 ngày làm việc còn 31 ngày làm việc.

Trong đó :

a- Thời gian "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Xây dựng hoặc sở có xây dựng chuyên ngành : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Xây dựng hoặc sở có xây dựng chuyên ngành nhận, thẩm định và chuyển lại hồ sơ cho "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả": Không quá 27 ngày;

c- Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh: Không quá 03 ngày;

B. Đối với dự án nhóm B :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 37 ngày làm việc còn 21 ngày làm việc.

Trong đó :

a- Thời gian "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Xây dựng hoặc sở có xây dựng chuyên ngành : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Xây dựng hoặc sở có xây dựng chuyên ngành nhận, thẩm định và chuyển lại hồ sơ cho "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" : Không quá 17 ngày;

c- Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh: Không quá 03 ngày;

C. Riêng đối với công trình thuộc các chương trình trọng tâm, các công trình trọng điểm của Tỉnh :

Thời gian giải quyết là 10 ngày làm việc. Trong đó :

a- Thời gian "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận, thẩm định và chuyển lại hồ sơ cho "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" : Không quá 07 ngày;

c -Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh: Không quá 02 ngày;

12- Điểm 3 khoản 17.1 Điều 17 (Thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu của dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư) :

A. Đối với dự án nhóm A :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 37 ngày làm việc còn 16 ngày làm việc.

Trong đó :

a- Thời gian Ỏbộ phận tiếp nhận và trả kết quảÕ nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận, thẩm định và chuyển lại hồ sơ cho Ỏbộ phận tiếp nhận và trả kết quả" : Không quá 12 ngày;

c- Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh: Không quá 03 ngày;

B. Đối với dự án nhóm B và C :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 27 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc.

Trong đó :

a- Thời gian "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận, thẩm định và chuyển lại hồ sơ cho "bộ phận tiếp nhận và trả kết quảÕ: Không quá 07 ngày;

c- Thời gian giải. quyết tại UBND tỉnh: Không quá 02 ngày;

13. Điểm 3 khoản 17.2 Điều 17 (Thẩm định, phê duyệt kết quả đấu thầu của gói thầu thuộc dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư) :

A . Đối với gói thầu quy mô lớn :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc còn 12 ngày làm việc.

Trong đó :

a- Thời gian bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận, thẩm định và chuyển lại hồ sơ cho Ỏbộ phận tiếp nhận và trả kết quả" : Không quá 09 ngày;

c- Thời gian giải quyết tại UBND Tỉnh: Không quá 02 ngày;

B. Đối với gói thầu quy mô nhỏ :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc còn 08 ngày làm việc.

Trong đó :

a- Thời gian Ỏbộ phận tiếp nhận và trả kết quả" nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư : Không quá 01 ngày;

b- Thời gian Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận, thẩm định và chuyển lại hồ sơ cho "bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" : Không quá 05 ngày;

c- Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh: Không quá 02 ngày;

ĐỐI VỚI CHƯƠNG IV: **CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ ỎMỘT CỬAÕ TẠI CẤP SỞ.**

14. Khỏan 2 Điều 19 (Thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán, thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán công trình thuộc dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư) :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 25 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc. Riêng đối với công trình thuộc các chương trình trọng tâm, các công trình trọng điểm của Tỉnh thì thời gian giải quyết là 10 ngày làm việc.

15- Khoản 2 Điều 20 (Cấp giấy phép xây dựng công trình) :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 25 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc.

16. Bổ sung Điều 21a " Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư các công trình XDCB thuộc vốn ngân sách Nhà nước (theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)".

1/- Thành phần hồ sơ : Số lượng hồ sơ tối thiểu 5 bộ.

- Tờ trình đề nghị phê duyệt dự án đầu tư của chủ đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư kèm theo dự án (đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án (kèm bản pho to văn bản cho chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền).

Dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án được lập phù hợp với nội dung quy định tại điều 24 của Nghị định 52/CP và được cụ thể hóa phù hợp với ngành kinh tế - kỹ thuật.

- Các văn bản có giá trị pháp lý xác nhận tư cách pháp nhân của chủ đầu tư

- Các văn bản cần thiết khác;

+ Văn bản phê duyệt quy hoạch;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đối với dự án Chủ đầu tư đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản giới thiệu địa điểm, thoả thuận địa điểm của cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án Chủ đầu tư chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất);

+ Các văn bản thoả thuận về đền bù giải phóng mặt bằng, phương án tái định cư (đối với các dự án có yêu cầu tái định cư);

+ Các thoả thuận, các hợp đồng, các hiệp định, các văn bản khác liên quan đến dự án.

2/- Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Riêng đối với công trình thuộc các chương trình trọng tâm, các công trình trọng điểm của Tỉnh thì thời gian giải quyết là 10 ngày làm việc.

ĐỐI VỚI CHƯƠNG V: **CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ "MỘT CỬAÕ TẠI VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND CẤP HUYỆN.**

17. Khoản 2 Điều 23 (Thẩm định, phê duyệt báo cáo đầu tư) :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc. Riêng đối với công trình thuộc các chương trình trọng tâm, các công trình trọng điểm của Tỉnh thì thời gian giải quyết là 10 ngày làm việc.

18. Khoản 2 Điều 24 (thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán, thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán công trình thuộc dự án do UBND cấp Huyện quyết định đầu tư) :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 26 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc.

Riêng đối với công trình thuộc các chương trình trọng tâm, các công trình trọng điểm của Tỉnh thì thời gian giải quyết là 10 ngày làm việc.

19. Điểm 2 khoản 25.2 Điều 25 (Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ thuộc sở hữu tư nhân :

Điều chỉnh thời gian giải quyết từ 30 và 25 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc. Riêng trường hợp nhà có nguy cơ sụp đổ gây nguy hiểm thì thời gian cấp giấy phép xây dựng là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Các nội dung khác, trước mắt giữ nguyên theo nội dung Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1 83/2003/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2.

2.1 Giao Giám đốc các Sở : Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Xây dựng, Giám đốc các Sở có xây dựng chuyên ngành, Cục trưởng Cục Thuế Lâm Đồng , Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân các huyện; thị xã Bảo Lộc;

thành phố ĐàLạt, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện.

2.2 Khi các cơ quan, đơn vị tổ chức, các chủ đầu tư, các hộ gia đình, cá nhân liên hệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa", nếu thời gian giải quyết của các cơ quan chức năng không đảm bảo theo đúng thời gian được quy định tại Quyết định này và Quyết định số 183/2003/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng dân tỉnh Lâm Đồng thì đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức, các chủ đầu tư, các hộ gia đình, cá nhân có văn bản phản ánh gửi về Uỷ ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban Nhân dân Tỉnh, Giám đốc các Sở : Nội vụ; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Xây dựng, Giám đốc các sở có xây dựng chuyên ngành, Cục trưởng Cục Thuế Lâm Đồng, Chủ tịch UBND các huyện; thị xã; thành phố trong Tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

T/M. UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(Đã ký và đóng dấu)
HUỲNH ĐỨC HÒA